

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/KDTM-ST

Ngày: 08-12-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Lê Bá Quyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:***
Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 17/2022/TLST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; địa chỉ: phường L, quận Đ, T phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn L; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.
- Ông Kiều Quang H; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2468/2022/UQ-PGD ngày 15/9/2022).

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại P; địa chỉ: Khu phố H, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố 2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố 2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.
- Ông Lê Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn L, xã H, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.
- Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
- Ông Lê Quang H1, sinh năm 1985; địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2021, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH thương mại P (viết tắt Công ty P) vay vốn tại Ngân hàng TMCP T (viết tắt VPB) các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay số SME/BDG/18/0119/HDTD ngày 25/10/2018 số tiền vay 543.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng từ ngày 26/10/2018 đến ngày 26/10/2023; mục đích vay thanh toán một phần tiền mua xe ô tô bán tải Mazda BT50 2.2 AT 2WD; khế ước nhận nợ lần 01/số: SME/BDG/18/0119/HDTD-01 ngày 26/10/2018; lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 8.3%/năm cố định trong 12 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 26/10/2019.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 12 tháng trả cuối kỳ của bên ngân hàng đối với tiền gửi tiết kiệm thấp nhất tại thời điểm điều chỉnh + 4.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/11/2018. Tổng cộng trả 60 kỳ, mỗi kỳ trả 9.050.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/11/2018.

Lãi bổ sung: Bên vay phải thanh toán cho VPB khoản lãi bổ sung khi bên vay không thực hiện hoặc thực không đúng nghĩa vụ trả nợ 3.2%/năm. Lãi suất được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày. (BL108-129);

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/BDG/19/0060/HDHM ngày 25/6/2019 số tiền vay 3.000.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất giường, tủ, bán ghế gỗ; thời hạn vay 12 tháng.

- Khế ước nhận nợ lần 13/số: SME/BDG/19/0060/HDHM-13 ngày 20/5/2020 với số tiền vay: 494.700.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 20/5/2020 đến ngày 20/5/2021;

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay 17.2%/năm. Lãi suất cố định trong 12 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 20/6/2020.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 9.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/6/2020. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 41.225.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/6/2020.

- Khế ước nhận nợ lần 14/số: SME/BDG/19/0060/HDHM-14 ngày 17/6/2020 với số tiền vay: 421.700.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/6/2020 đến ngày 17/6/2021.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay 16.2%/năm. Lãi suất cố định trong 12 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 17/7/2020.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 8.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/7/2020. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 36.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 25.700.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/7/2020. (BL93-107);

3. Hợp đồng cho vay số BDG/19061 ngày 30/9/2019 số tiền vay 252.000.000 đồng; mục đích vay thanh toán một phần tiền mua xe ô tô hiệu Foton; thời hạn vay 36 tháng từ ngày 30/9/2019 đến ngày 30/9/2022; Khế ước nhận nợ Lần 1/số: BDG/19061-01 ngày 30/9/2019; Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất cho vay 11.3%/năm cố định trong 3 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 30/12/2019.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 2.8%/năm

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/10/2019. Tổng cộng trả 36 kỳ, mỗi kỳ trả 7.000.000 đồng

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/10/2019. (BL 75-92);

4. Hợp đồng cho vay hạn mức số BDG/20082 ngày 06/8/2020 hạn mức cho vay 2.950.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất giường, tủ, bán ghế; thời hạn vay 12 tháng.

- Khế ước nhận nợ lần 1 số: BDG/20082-01 ngày 07/08/2020; số tiền vay 478.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 07/8/2020 đến ngày 07/8/2021.

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 16.2%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 07/9/2020.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 8.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/9/2020. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 40.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 38.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/9/2020.

- Khế ước nhận nợ lần 2/số: BDG/20082-02 ngày 18/8/2020; số tiền vay 384.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 18/8/2020 đến ngày 18/8/2021; Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 16.2%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 18/9/2020.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 8.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/9/2020. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 32.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/9/2020.

- Khế ước nhận nợ lần 3/số: BDG/20082-03 ngày 21/9/2020; số tiền vay 450.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 21/9/2020 đến ngày 21/9/2021; Lãi suất tại thời điểm cho vay 17.2%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 21/10/2020.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 9.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/10/2020. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 37.500.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/10/2020.

- Khế ước nhận nợ lần 4/số: BDG/20082-04 ngày 13/10/2020; số tiền vay 444.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 13/10/2020 đến ngày 13/10/2021; Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 16.5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 13/11/2020.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 8.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/11/2020. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 37.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/11/2020.

- Khế ước nhận nợ lần 5/số: BDG/20082-05 ngày 26/11/2020; số tiền vay 481.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng từ ngày 26/11/2020 đến ngày 26/11/2021; lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 17%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 26/12/2020.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 9.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/12/2020. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 41.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 30.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/12/2020.

- Khế ước nhận nợ lần 6/số: BDG/20082-06 ngày 16/12/2020; số tiền vay 420.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 16/12/2020 đến ngày 16/12/2021; Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 16.5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 16/01/2021.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 8.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/01/2021. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 35.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/01/2021.

- Khế ước nhận nợ lần 7/số: BDG/20082-07 ngày 13/01/2021; số tiền vay 488.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 13/01/2021 đến ngày 13/01/2022; lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 16.5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 13/02/2021.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 8.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/02/2021. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 41.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 37.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/02/2021.

- Khế ước nhận nợ lần 8/số: BDG/20082-08 ngày 29/3/2021; số tiền vay 864.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 29/3/2021 đến ngày 29/3/2022; Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 16.3%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 29/4/2021.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 9.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/4/2021. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 72.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/04/2021.

- Khế ước nhận nợ lần 9/số: BDG/20082-09 ngày 15/4/2021; số tiền vay: 413.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 15/4/2021 đến ngày 15/4/2022;

Lãi suất và các kỳ trả nợ:

Lãi suất tại thời điểm cho vay 16.3%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 15/5/2021.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 9.5%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/5/2021. Tổng cộng trả 12 kỳ, mỗi kỳ trả 35.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 28.000.000 đồng.

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 12, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/05/2021. (BL 50-74).

Tổng số tiền vay 6.133.400.000 đồng.

Ngoài ra Công ty P còn được VPB cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng với số tiền 30.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/9/2017 (BL130-155).

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty P đã thế chấp tại VPB tài sản là xe ô tô, cụ thể như sau:

Xe ô tô bán tải hiệu Mazda, số loại BT-50, số khung: MM7UR4DD4KWxxxxx, số máy: P4ATxxxxxx, biển số 61C-xxxxx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxx do Phòng cảnh sát giao thông Công an

tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/10/2018. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/BDG/18/0119/HDTTC ngày 25/10/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật;

Xe ô tô tải hiệu Foton, số loại Thaco, số khung: RNHA07FFBJCxxxxx, số máy: 4J28TCJxxxxx, Biển số: 61C-xxxxx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxxx do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/9/2019. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số BDG/19060 ngày 30/9/2019 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật;

Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T, ông Lê Quang H1 theo các Hợp đồng bảo lãnh sau: 03 Hợp đồng bảo lãnh số 06/HDBL ngày 06/9/2017; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/18/0119/HDBL-01 ngày 25/10/2018; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/18/0119/HDBL-02 ngày 25/10/2018; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/19/0060/HDBL-01 ngày 25/6/2019; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/19/0060/HDBL-02 ngày 25/6/2019; Hợp đồng bảo lãnh số BDG/19061/HDBL-01 ngày 30/9/2019; Hợp đồng bảo lãnh số BDG/19061/HDBL-02 ngày 30/9/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số BDG/20082/HDBL ngày 06/8/2020;

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Công ty P đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã ch1ển quá hạn từ ngày 12/5/2021. VPB đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty P, người bảo lãnh khoản vay để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty P và người bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VPB.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty P đã bàn giao tài sản thế chấp là xe ô tô tải hiệu Foton biển số 61C-xxxxx để VPB xử lý, thu hồi nợ. Ngày 12/5/2022, VPB đã bán đấu giá với số tiền 244.000.000 đồng trừ chi phí số tiền thu nợ là 226.274.000 đồng. VPB đã thu 19.300.000 đồng vào khoản nợ thẽ và 206.974.000 đồng vào nợ gốc quá hạn. Do đó, VPB rút yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp là ô tô tải hiệu Foton và rút một phần nợ gốc.

VPB yêu cầu các nội dung sau:

1/. Buộc Công ty P phải trả ngay một lần cho VPB tổng số nợ còn thiếu tính đến hết ngày 08/12/2022 tổng cộng: 4.547.462.257 đồng (nợ gốc: 3.107.950.295 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.268.484.354 đồng; lãi phạt: 153.651.608 đồng; lãi ưu đãi truy thu: 17.376.000 đồng).

Từ ngày 09/12/2022, Công ty P phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPB.

2/ Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ thì VPB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho VPB.

Tài sản thế chấp là xe ô tô bán tải hiệu Mazda, số loại BT-50, số khung: MM7UR4DD4KWxxxxxx, số máy: P4ATxxxxxx, Biển số 61C-xxxxx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số xxxxx do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/10/2018.

3. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho VPB thì ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T1, ông Lê Quang H1 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty P theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPB.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Ông Lê Văn Q và ông Hoàng Văn T1 có văn bản trình bày ý kiến như sau: Do tình hình dịch bệnh nên Công ty bị thua lỗ dẫn đến không đủ khả năng trả các khoản tiền vay tại VPB. Các ông hiện tại đang làm công nhân thu nhập không ổn định.

Ông Lê Quang H1 trình bày: Ông H1 là một trong những thành viên góp vốn thành lập Công ty P. Ông H1 thừa nhận khoản vay giữa Công ty P tại VPB và thừa nhận số nợ gốc và nợ lãi theo VPB trình bày. Do tình hình dịch bệnh nên Công ty bị thua lỗ và đang ngưng hoạt động. Công ty P không có khả năng trả nợ nên đề nghị VPB xem xét miễn giảm nợ, lãi cho Công ty.

Ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T1 và ông Lê Quang H1 đã ký hợp đồng bảo lãnh các khoản vay của Công ty P nhưng hiện nay Công ty đã ngưng hoạt và không có khả năng trả nợ. Do đó, ông T, ông Q, ông T1 và ông H1 phải có trách nhiệm trả nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh nhưng hiện nay ông không có khả năng trả nợ cho VPB.

Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô bán tải hiệu Mazda, ông H1 đồng ý giao xe để trả nợ nhưng ông không biết xe đang do ai quản lý.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Các hợp đồng cho vay, hợp đồng bảo lãnh được giao kết dựa trên ý chí tự nguyện của các đương sự, theo đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy

định của pháp luật. Về phần lãi suất, theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về mức lãi suất áp dụng theo quy định. Vì thế, mức lãi suất được áp dụng đối với các khoản vay trên là phù hợp và có hiệu lực pháp luật tại thời điểm ký kết. Việc Công ty P không thanh toán các khoản nợ gốc và lãi là đã vi phạm việc thực hiện hợp đồng. Mặt khác, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là từ bỏ quyền chứng minh và tranh tụng của mình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ chấp nhận. Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ thì các ông Nguyễn Văn T, Lê Văn Q, Hoàng Văn T1 và Lê Quang H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay.

Nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét thấy, hiện nay nguyên đơn không biết tài sản đang ở đâu, bị đơn không hợp tác trong quá trình tố tụng để Tòa án có thể thẩm định tài sản thế chấp. Do chưa có căn cứ xác định tài sản thế chấp còn hay không, nếu còn thì giá trị còn lại là bao nhiêu phần trăm. Do đó, Viện kiểm sát nhận thấy chưa có căn cứ phát biểu đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên, căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đã vay. Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ cho VPBank thì các ông Nguyễn Văn T, Lê Văn Q, Hoàng Văn T1 và Lê Quang H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPB. Chưa có căn cứ phát biểu đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngân hàng TMCP T khởi kiện Công ty TNHH thương mại P liên quan đến hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty P có trụ sở tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét, VPB có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ gốc là 226.274.000 đồng (nợ thế 19.300.000 đồng và 206.974.000 đồng nợ gốc quá hạn) và xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải hiệu Foton biển số: 61C-414.50.

Nguyên đơn rút một phần yêu khởi nên Tòa án đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của VPB, nhận thấy:

[4.1] VPB và Công ty P ký các Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/18/0119/HDTD ngày 25/10/2018 số tiền vay 543.000.000 đồng; Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/BDG/19/0060/HDHM ngày 25/6/2019 số tiền vay 3.000.000.000 đồng; Hợp đồng cho vay số BDG/19061 ngày 30/9/2019 số tiền vay 252.000.000 đồng; Hợp đồng cho vay hạn mức số BDG/20082 ngày 06/8/2020 hạn mức cho vay 2.950.000.000 đồng với tổng số tiền vay 6.133.400.000 đồng. Công ty P đã trả 3.025.449.705 còn nợ gốc 3.107.950.295 đồng.

[4.2] Xét thấy, Công ty P không trả nợ cho VPB theo đúng thời hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên, vi phạm Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, VPB yêu cầu Công ty P phải trả toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Công ty P phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5]. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPB:

[5.1] Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là xe ô tô bán tải hiệu Mazda, số loại BT-50, số khung: MM7UR4DD4KWxxxxxx, số máy: P4ATxxxxxxx, biển số 61C-xxxxxx theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081783 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/10/2018 thuộc quyền sở hữu của Công ty P. Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: SME/BDG/18/0119/HĐTC ngày 25/10/2018 .

[5.2] Xét thấy, hợp đồng thế chấp nói trên được các bên tự nguyện ký kết và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Do đó, trong trường hợp Công ty P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VPB có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của VPB:

[6.1]. Xét, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T1, ông Lê Quang H1 đã ký các Hợp đồng bảo lãnh sau: 03 Hợp đồng bảo lãnh số 06/HĐBL ngày 06/9/2017; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG18/0119/HĐBL-01 ngày 25/10/2018; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/18/0119/HĐBL-02 ngày 25/10/2018; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/19/0060/HĐBL-01 ngày 25/6/2019; Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/19/0060/HĐBL-02 ngày 25/6/2019; Hợp đồng bảo lãnh số BDG/19061/HĐBL-01 ngày 30/9/2019; Hợp đồng bảo lãnh số BDG/19061/HĐBL-02 ngày 30/9/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số BDG/20082/HĐBL ngày 06/8/2020.

[6.2]. Theo nội dung các hợp đồng bảo lãnh trên ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T1, ông Lê Quang H1 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo

lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng.

[6.3]. Xét thấy, các hợp đồng bảo lãnh nói trên được các bên tự nguyện ký kết. Do đó, trong trường hợp Công ty P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T1, ông Lê Quang H1 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty P theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPB.

[7]. Xét Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi quá hạn, lãi phạt và lãi ưu đãi) và nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T1 và ông Lê Quang H1 là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 244; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 299, 318, 319, 320, 322, 323, 336, 338, 339 và 340 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với Công ty TNHH thương mại P về việc trả số tiền nợ gốc là 226.274.000 đồng (nợ thê 19.300.000 đồng và 206.974.000 đồng nợ gốc quá hạn) và xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải hiệu Foton biển số: 61C-414.50.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với Công ty TNHH thương mại P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

2.1. Buộc Công ty TNHH thương mại P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/12/2022 là 4.547.462.257 đồng (trong đó: nợ gốc 3.107.950.295 đồng; nợ lãi quá hạn 1.268.484.354 đồng; nợ lãi phạt 153.651.608 đồng và truy thu lãi ưu đãi 17.376.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty TNHH thương mại P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Trường hợp Công ty TNHH thương mại P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP T có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

Xe ô tô bán tải hiệu Mazda, số loại BT-50, số khung: MM7UR 4DD4KWxxxxxx, số máy: P4ATxxxxxxx, biển số 61C-360.77 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081783 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/10/2018 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH thương mại P.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên nếu dư Ngân hàng TMCP T sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền thiếu.

2.3 Trong trường hợp Công ty TNHH thương mại P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Q, ông Hoàng Văn T1, ông Lê Quang H1 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH thương mại Tam Hợp Phát theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng TMCP T.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH thương mại P phải chịu án phí sơ thẩm là 112.547.462 đồng.

3.2. Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí, được nhận lại 54.920.374 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0005794 ngày 04/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm

